CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 338 /QĐ-CTPTHT	*Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 331/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang;

2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang có hiệu lực kể từ ngày 12/5/2026 và thay thế toàn bộ các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trước đây.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng, đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TK. HĐQT.

Bản điện tử:
- HĐQT;
- BĐH; BKS.

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG

Ngô Ngọc Cương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-CTPTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang)

Bắc Ninh, tháng 5 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-CTPTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang)

Điều 1: Những quy định chung

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) quy định cụ thể nguyên tắc hoạt động, tổ chức bộ máy, các mối quan hệ công tác và quy trình giải quyết công việc của HĐQT công ty, là sơ sở để HĐQT công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế quản trị của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

- HĐQT thực hiện chức năng quản lý, định hướng và giám sát hoạt động của Công ty, có quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và mục đích cho sự phát triển của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Cổ đông).

- Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT công ty được quy định cụ thể tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Phương thức quản lý của HĐQT.

- HĐQT quản lý công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định và tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện.

- Nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty được Giám đốc công ty triển khai thành kế hoạch, biện pháp thực hiện cụ thể và báo cáo HĐQT Công ty kết quả thực hiện.

4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên HĐQT đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công trước HĐQT và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông; trước pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của HĐQT.

Nguyên tắc quản trị cao nhất của Hội đồng quản trị là bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro tài chính và duy trì tăng trưởng bền vững của Công ty.

- Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành khi có trên 50% thành viên HĐQT biểu quyết tán thành. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư vào các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, báo cáo quyết toán hàng năm và các quy chế quản lý thực hiện theo ý kiến biểu quyết của đa số thành viên HĐQT. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tich HĐQT.

- Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả bộ máy quản lý, điều hành công ty: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Ban Kiểm sát, các phòng, đơn vị trực thuộc cổ đông và người lao động trong toàn công ty.

- Trong trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo HĐQT để giải quyết.

5. Quyền hạn, nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 2: Tổ chức bộ máy hiện tại của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Mỗi thành viên HĐQT quản lý một số lĩnh vực theo phân công của HĐQT và có trách nhiệm báo cáo HĐQT về kết quả công việc được phân công.

3. Nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 3. Phân định trách nhiệm quản lý và điều hành

1. Việc phân cấp quản lý trong Công ty được thực hiện theo nguyên tắc:

- Không làm thay đổi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo Điều lệ.

- Phân định rõ: Hội đồng quản trị/chủ tịch HĐQT ra quyết định; Giám đốc tổ chức thực hiện; Chủ tịch HĐQT thực hiện giám sát, kiểm soát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản và dòng tiền của Công ty theo Điều lệ, Quy chế tài chính và phân cấp của HĐQT.

- Kiểm soát chặt chẽ vốn, tài sản và dòng tiền.

2. Phân loại hoạt động - Hoạt động của Công ty được chia thành:

- Nhóm quyết định nội dung công việc .

- Nhóm giám sát, kiểm soát tài chính và dòng tiền.

3. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ

- Không chia nhỏ giao dịch để thay đổi thẩm quyền .

- Không để một cá nhân thực hiện đồng thời các khâu: đề xuất - phê duyệt - nghiệm thu - thanh toán.

- Mọi giao dịch phải có cơ sở xác định giá và phù hợp với thị trường.

4. Các nội dung phân cấp: Cụ thể về thẩm quyền quyết định, ký kết hợp đồng và duyệt chi thực hiện theo Nghị quyết phân cấp của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

Điều 4: Phân cấp quyết định nội dung công việc

1. Nguyên tắc phân cấp:

- Việc phân cấp quyết định các nội dung công việc quy định tại điều này phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý tài chính và các quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu; Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp; không làm thay đổi, hạn chế hoặc vượt quá thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến hoặc chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

- Người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi biểu quyết hay cho ý kiến đối với các nội dung theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Việc phân cấp tại Điều này được thực hiện cụ thể tại Nghị quyết phân cấp của Hội đồng quản trị.

2. Phân cấp quyết định các nội dung trong kế hoạch SXKD đã thông qua

- Giám đốc quyết định và tổ chức thực hiện các nội dung thường xuyên trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt theo đúng Điều lệ, Quy chế tài chính và phân cấp của HĐQT.

Các nội dung thường xuyên là các hoạt động phục vụ vận hành thường xuyên, liên tục của Công ty, có tính lặp lại, không làm thay đổi cơ cấu tài chính và có thời hạn thực hiện hoặc nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn.

- Đối với các nội dung trong kế hoạch sản xuất kinh doanh nhưng có giá trị lớn hoặc có yếu tố rủi ro, Giám đốc báo cáo HĐQT hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định trước khi thực hiện.

Tiêu chí xác định nội dung lớn hoặc có yếu tố rủi ro bao gồm:

+ Vượt hạn mức phân cấp;

+ Vượt dự toán đã được phê duyệt;

+ Phát sinh nghĩa vụ tài chính dài hạn;

+ Có biến động giá hoặc chưa có đủ cơ sở xác định giá;

+ Hoặc có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả sử dụng vốn, dòng tiền hoặc cơ cấu tài chính của Công ty.

3. Phân cấp quyết định các nội dung ngoài kế hoạch SXKD

- Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện theo phân công các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh trong phạm vi phân cấp.

- Các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ trong kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông để giám sát.

4. Nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo Điều lệ Công ty, bao gồm: Dự án, đầu tư, giao dịch ≥ 35% tổng tài sản; Các nội dung khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Phân cấp đối với hợp đồng cho thuê tài sản, mặt bằng.

- Các giao dịch liên quan đến tài sản của Công ty (bán, cho thuê, cho thuê lại, thanh lý tài sản…) do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định trong phạm vi phân cấp; phù hợp Điều lệ, Quy chế tài chính và Nghị quyết phân cấp của HĐQT; các nội dung vượt phân cấp do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quyết định.

- Giám đốc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản theo phân cấp cụ thể tại Nghị quyết của HĐQT.

6. Đối với hoạt động cho thuê lại đất, hạ tầng KCN (lĩnh vực kinh doanh chính).

- Trường hợp phương án, đơn giá và chủ trương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch HĐQT ký kết hoặc phân công tổ chức ký kết các hợp đồng cụ thể.

- Trường hợp nội dung hợp đồng có sự khác biệt về phương án giá, Chủ tịch HĐQT phải phải báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

7. Đối với hoạt động xây lắp:

- Trên cơ sở hợp đồng xây lắp do Công ty ký kết và Quyết định giao XNXL thực hiện, Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực được ký kết các hợp đồng đầu vào phục vụ thi công (vật tư, nhân công, dịch vụ…) theo ủy quyền.

Việc ký hợp đồng phải bảo đảm không vượt giá trị, đơn giá, phạm vi công việc đã được HĐQT phê duyệt; không làm thay đổi điều kiện hợp đồng đã ký với khách hàng.

- Đối với hoạt động vận hành hạ tầng KCN: Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt và quyết định giao nhiệm vụ của Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc được ký kết các hợp đồng đầu vào phục vụ vận hành của Công ty theo ủy quyền.

- Việc ký hợp đồng trong mọi trường hợp phải đáp ứng các điều kiện: Thuộc kế hoạch, dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ và có cơ sở xác định giá và phù hợp với giá, định mức đã được phê duyệt; Không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính dài hạn hoặc thay đổi cơ cấu vốn, tài sản của Công ty.

8. Quy định bổ sung: Nội dung công việc trong kế hoạch sản xuất kinh doanh nhưng vượt dự toán; có yếu tố rủi ro hoặc giá bất thường Giám đốc báo cáo Chủ tịch HĐQT hoặc HĐQT xem xét, quyết định/chấp thuận theo thẩm quyền trước khi tổ chức thực hiện.

Điều 5. Phân cấp quản lý tài khoản và quản lý tài chính

1. Nguyên tắc chung

Mọi khoản chi phải đúng kế hoạch hoặc đã được phê duyệt theo thẩm quyền; có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ; bảo đảm hiệu quả và đúng mục đích.

Nguyên tắc vận hành: Giám đốc tổ chức thực hiện; Chủ tịch HĐQT thực hiện giám sát, kiểm soát việc sử dụng vốn và dòng tiền theo phân cấp của HĐQT.

2. Phân cấp thực hiện và duyệt chi

- Giám đốc thực hiện và duyệt chi các khoản chi thuộc nội dung thường xuyên trong kế hoạch sản xuất kinh doanh trong phạm vi, hạn mức được phân cấp, ủy quyền; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính cần thiết, hiệu quả và đúng mục đích của khoản chi.

- Chủ tịch HĐQT xem xét chấp thuận theo phân cấp của HĐQT đối với các khoản chi thuộc nội dung phát sinh ngoài kế hoạch hoặc các khoản chi vượt phạm vi phân cấp của Giám đốc theo phân cấp của Hội đồng quản trị.

Các hạn mức cụ thể do Hội đồng quản trị quy định bằng nghị quyết trong từng thời kỳ.

Chủ tịch HĐQT, Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT, Pháp luật về các lệnh duyệt chi được phân cấp.

3. Kiểm soát thanh toán

- Kế toán trưởng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ thanh toán và có quyền từ chối thanh toán đối với các khoản chi không đủ điều kiện theo quy định. Không thực hiện thanh toán đối với các khoản chi chưa có quyết định hợp lệ theo phân cấp.

- Chủ tịch HĐQT có quyền yêu cầu rà soát lại hồ sơ, điều kiện thanh toán hoặc báo cáo HĐQT xem xét đối với các khoản chi có dấu hiệu rủi ro….

4. Trách nhiệm

- Giám đốc chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp lý, hiệu quả và đúng mục đích của các khoản chi thuộc phạm vi được phân cấp.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm kiểm soát việc sử dụng vốn và dòng tiền của Công ty.

- Các phòng ban, cá nhân tham mưu có trách nhiệm:

+ Tham mưu đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty;

+ Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu trình;

+ Chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

+ Kịp thời báo cáo các rủi ro, vướng mắc hoặc nội dung vượt thẩm quyền trong quá trình tham mưu, thực hiện.

Trường hợp tham mưu sai, thiếu trung thực hoặc không báo cáo đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyết định của cấp có thẩm quyền thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 6. Mối quan hệ HĐQT.

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông, chịu sự quản lý của Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, nghiên cứu xây dựng các phương án báo cáo HĐQT. Hội đồng quản trị tổ chức nghiên cứu xem xét các phương án do Chủ tịch HĐQT trình và ban hành Nghị quyết hoặc quyết định kịp thời, làm cơ sở để Giám đốc điều hành công tác.

3. Chủ tịch HĐQT không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày; thực hiện quyền quản lý, giám sát và chỉ đạo thông qua Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyết định một số biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn con người, tài sản và hoạt động liên tục của Công ty; trường hợp khẩn cấp là tình huống phát sinh đột xuất nếu không xử lý ngay sẽ gây thiệt hại lớn. Việc quyết định trong trường hợp này không được làm thay đổi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, không thuộc diện phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp

luật; đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị và cơ quan đại diện chủ sở hữu trong thời gian sớm nhất và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Hàng quý, năm, Chủ tịch HĐQT Công ty gửi báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tài chính, phương hướng thực hiện trong kỳ tiếp theo của Chủ tịch HĐQT (chậm nhất sau 10 ngày tháng đầu quý sau). Báo cáo HĐQT để cử người tham gia các cuộc họp có liên quan.

6. Giữa HĐQT và lãnh đạo bộ máy điều hành thường xuyên có sự phối hợp công tác, trao đổi ý kiến để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh thực hiện nhiệm vụ, chấp hành luật pháp và trong các mặt công tác khác có liên quan của công ty.

7. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của công ty thực hiện nhiệm vụ. Các phòng ban công ty đồng thời là phòng giúp việc cho HĐQT, có trách nhiệm tham mưu, triển khai, kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

8. Tổ chức Đảng, Đoàn thể quần chúng thực hiện theo quy định điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Pháp luật.

9. Chủ tịch HĐQT thực hiện giám sát, kiểm soát theo thẩm quyền đối với các nội dung liên quan đến vốn, tài sản, dòng tiền và các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch.

10. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.

Điều 7. Chế độ làm việc của HĐQT.

- Tổ chức các phiên họp của HĐQT thông qua các quyết định của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. HĐQT họp định kỳ 03 tháng một lần, trường hợp có công việc đột xuất cần giải quyết thì Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất thường.

- Nội dung họp: Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý trước và triển khai kế hoạch quý sau, ngoài ra HĐQT xem xét các vấn đề khác.

- Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất, kỹ thuật, con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.

Điều 8. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về các vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT có trách nhiệm bàn giao hồ sơ công việc và các tài liệu có liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 9. Mối quan hệ với Giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định; Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện, đồng thời, Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Giám đốc và cán bộ quản lý khác để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Quản lý tài khoản và kiểm soát thanh toán: Thực hiện theo phân cấp tại Điều 5 Quy chế này.

4. Giám đốc được chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày trong phạm vi Điều lệ, Quy chế tài chính và phân cấp của HĐQT.

Điều 10. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT và Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng, độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc triển khai các dự án, nội dung phát sinh (cả trong và ngoài kế hoạch) thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ có liên quan.

Việc giám sát được thực hiện trên cơ sở đánh giá tính tuân thủ thẩm quyền, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, cũng như mức độ phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty, không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị."

Điều 11. Tổ chức thực hiện.

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Giang gồm 11 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và thay thế toàn bộ các quy chế về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang trước đây.

2. Các thành viên HĐQT chủ động chương trình công tác của mình theo lĩnh vực được phân công.

3. Những văn bản của cơ quan Nhà nước thuộc trách nhiệm của HĐQT, phòng TC-HC trình Chủ tịch HĐQT giải quyết theo phân cấp quản lý.

4. Quy chế hoạt động này có hiệu lực thì hành xuyên suốt theo thời gian hoạt động của HĐQT, nếu trong quá trình hoạt động có điều gì bất cập hoặc phân công thay đổi nhiệm vụ của các thành viên HĐQT thì sẽ có quy chế bổ sung, sửa đổi kèm theo.

5. Các thành viên HĐQT và bộ máy quản lý, điều hành, cổ đông và người lao động trong công ty chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG

Ngô Ngọc Cương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-CTPTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang)

Bắc Ninh, tháng 5 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-CTPTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang)

CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định tổ chức, nguyên tắc hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; chế độ làm việc; quy trình kiểm tra, giám sát; quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 2. Vị trí, chức năng hoạt động

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành Công ty nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, bảo toàn vốn nhà nước và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo nguyên tắc hậu kiểm; đồng thời thực hiện cảnh báo rủi ro đối với các nội dung:

- Có dấu hiệu bất thường;
- Có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến vốn, tài sản, dòng tiền;
- Có yếu tố rủi ro pháp lý, tài chính, đầu tư;
- Có biến động giá lớn;
- Có dấu hiệu vượt thẩm quyền;
- Có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty;

Độc lập, khách quan, trung thực;

Bảo mật thông tin;

Không làm cản trở hoạt động điều hành bình thường của Công ty.

Điều 4. Mục đích kiểm soát

1 Nhằm nắm bắt và cung cấp thông tin kịp thời cho ĐHĐCĐ, HĐQT biết được thực trạng, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị, bộ phận được kiểm soát. Phối hợp và đề xuất với HĐQT trong công tác quản lý hoạt động của Công ty và quản lý phần vốn góp của Công ty vào các Công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có hiệu quả; nâng cao khả năng bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Công ty, bảo đảm tính công minh, hợp pháp, hợp lệ trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Góp phần ngăn chặn, khắc phục những hành vi vi phạm pháp luật hoặc không tuân thủ những quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước và của HĐQT.

2 Kiến nghị với HĐQT trong việc:

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy trình, đề xuất cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm tăng cường biện pháp quản lý tài sản, tăng hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đề xuất các biện pháp khắc phục hậu quả, xử lý đối với các hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ nêu tại khoản 1, Điều này.

CHƯƠNG II:
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 5. Cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên.

- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm;

- Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.

CHƯƠNG III:
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Trong các trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát được quyền tham gia ý kiến cảnh báo, kiến nghị hoặc đề nghị rà soát trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Việc tham gia ý kiến của Ban kiểm soát trong các trường hợp này nhằm mục đích cảnh báo, giám sát và kiến nghị; không làm phát sinh cơ chế phê duyệt

trước, không thay thế hoặc hạn chế thẩm quyền quyết định, quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty."

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông."

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ Công ty.

2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, triệu tập và là chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra hoạt động Công ty định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình kế hoạch. Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt mới được thực hiện. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát phải tuân thủ các quy định, quy trình kiểm soát.

4. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công trên cơ sở ý kiến nhất

5. Lập báo cáo định kỳ hoặc đột xuất trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động, kết quả của Ban kiểm soát và các kiến nghị. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của Ban kiểm soát.

6. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công.

8. Ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.

9. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá chi phí hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 11. Nghĩa vụ của thành viên ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều 54 Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực thi quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 12. Miễn nhiệm và bãi nhiệm ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV:
NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 13. Kiểm tra tài chính

Ban kiểm soát giám sát việc quản lý tài chính, sử dụng vốn và tài sản, tình hình đầu tư và hiệu quả kinh doanh.

Điều 14. Kiểm tra quản trị doanh nghiệp

Giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Điều 15. Kiểm tra đầu tư, đấu thầu

Kiểm tra tính hợp pháp, hiệu quả của các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu và mua sắm.

Ban kiểm soát được phát hành văn bản cảnh báo rủi ro khi phát hiện nội dung có dấu hiệu vượt thẩm quyền, chưa đủ hồ sơ pháp lý, chưa đủ cơ sở xác định giá, có nguy cơ thất thoát vốn, tài sản, dòng tiền hoặc ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Văn bản cảnh báo rủi ro không phải là ý kiến phê duyệt, không thay thế quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc. Người có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm xem xét ý kiến cảnh báo; trường hợp vẫn quyết định thực hiện thì phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình và gửi thông tin cho Ban kiểm soát để theo dõi, giám sát. Ban kiểm soát tổng hợp các cảnh báo rủi ro, kết quả xử lý và kiến nghị vào báo cáo định kỳ gửi HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.

CHƯƠNG V:
HOẠT ĐỘNG VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với chế độ chịu trách nhiệm cá nhân của Kiểm soát viên. Hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS phải tuân thủ Pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời.

2. BKS thực hiện nhiệm vụ theo cách thức sau:

- Chế độ làm việc định kỳ: Một quý một lần, BKS tiến hành kiểm tra báo cáo tài chính bao gồm cả kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, việc luân chuyển và lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán để đưa ra các kiến nghị về biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến đối với công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và hoạt động của Công ty.

- Trước phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 02 (hai) tuần, BKS phải tiến hành họp, tổng hợp các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình để báo cáo tại phiên họp ĐHĐCĐ;

3. Chế độ làm việc đột xuất: Trong trường hợp xét thấy việc kiểm tra cần được giữ bí mật và tránh được sự đối phó của đối tượng bị kiểm tra, BKS có thể tiến hành việc kiểm tra đột xuất nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của bộ phận bị kiểm tra, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Chế độ báo cáo: Trong mỗi lần kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, BKS đều phải có Biên bản làm việc và phải công bố công khai kết quả kiểm tra trước khi gửi tới HĐQT, ĐHĐCĐ. Biên bản phải được các thành viên kiểm tra cùng ký tên.

5. Cách thức giải quyết mâu thuẫn (nếu có) giữa các Kiểm soát viên: Trong quá trình kiểm tra định kỳ cũng như đột xuất nếu các ý kiến của các Kiểm soát viên không thống nhất nhau về một vấn đề thì các Thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và đưa vào Biên bản kiểm tra, báo cáo ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 17. Chế độ làm việc và các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của BKS.

2. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của BKS, trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát uỷ quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của BKS. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên có mặt.

- Các cuộc họp của BKS gồm:

+ Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ mỗi tháng một lần.

+ Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của: Chủ tịch HĐQT; Ít nhất 03 thành viên HĐQT; Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát; 02 Kiểm soát viên;

3. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập họp theo quy định, các Kiểm soát viên còn lại có quyền họp để thống nhất báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý theo thẩm quyền; trường hợp cần thiết kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.

- Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp BKS được tiến hành sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên.

4. Biểu quyết:

- Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là người được quyền tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

+ Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát. Các kiến nghị của BKS phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong BKS và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của BKS.

+ Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

5. Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng ban kiểm soát phê duyệt mới được thực hiện. Kết thúc kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát phải cùng đối tượng kiểm tra lập biên bản xác nhận thực tế những nội dung kiểm tra, kiểm toán, kiến nghị của người kiểm tra về việc xử lý các vi phạm, ý kiến tiếp thu của đối tượng được kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Trưởng ban kiểm soát.

Điều 18. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

- BKS tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.

- BKS có thể báo cáo trực tiếp với ĐHĐCĐ, các cơ quan quản lý Nhà nước trong trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các thành viên khác trong Công ty.

2. Quan hệ với cổ đông:

- BKS có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho ĐHĐCĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc cổ đông lớn (sở hữu trên 10% cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng).

- BKS báo cáo cổ đông tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty.

- BKS thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông (sở hữu trên 10% cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng). và có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Quan hệ với HĐQT:

- HĐQT chịu sự giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

- HĐQT được quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của HĐQT.

- BKS thông qua HĐQT kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất. BKS phải kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. BKS theo dõi đôn đốc việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho BKS trước ngày tổ chức đại hội 5 ngày làm việc để thẩm định.

- BKS thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của BKS trước khi gửi lên ĐHĐCĐ.

4. Quan hệ với Giám đốc Công ty:

- Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Các báo cáo Giám đốc gửi tới HĐQT thì đồng thời gửi cho BKS.

- Phải thông báo mời BKS tham dự các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, các buổi giao ban tại trụ sở chính, giao ban theo khối, giao ban thường kỳ, hội nghị sơ kết, tổng kết của Công ty và các đơn vị, bộ phận trực thuộc.

- Thông báo cho BKS biết kế hoạch tổ chức các cuộc hội thảo, các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp do Công ty tổ chức hoặc các đơn vị khác tổ chức.

- Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

- Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho BKS những ý kiến chỉ đạo này.

- Thông báo ngay cho BKS khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

5. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp:

- Đơn vị được kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

- Các đơn vị của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật

1. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng vật chất, tinh thần theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước và Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Công ty.

Điều 20. Mất tư cách Kiểm soát viên

Kiểm soát viên đương nhiên bị mất tư cách theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát bị mất tư cách theo quy định như trên thì các thành viên còn lại sẽ cử 01 thành viên đảm nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát cho đến khi được bầu lại.

Điều 21. Điều kiện và chi phí làm việc của Ban kiểm soát

1. Phòng làm việc của Trưởng ban kiểm soát được đặt tại trụ sở Công ty.

2. Khi có nhu cầu về cán bộ, nhân viên hỗ trợ công tác kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát đề nghị với Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc Công ty để thực hiện việc bố trí cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

3. Các Kiểm soát viên được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Chi phí hoạt động của BKS phục vụ cho nhiệm vụ được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

CHƯƠNG VI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 22 Điều khoản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế toàn bộ các quy chế về hoạt động của BKS Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang trước đây.

2. Những nội dung khác về chế độ làm việc của BKS, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty.

3. HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty, các phòng, ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
M.S.D.N: 2400401 TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Nhiên